

## 76 mẹo vặt trong Windows 98, Me, 2000, XP

Một số phương pháp dễ dàng và nhanh gọn để *thuần phục* Windows,... từ việc hiệu chỉnh tốc độ đến kiểm tra bảo mật hay các thủ thuật giải quyết hỏng hóc.

### 1. Làm xuất hiện lại cây thư mục:

Bạn mở một folder, nhưng không có thấy cây thư mục nào xuất hiện bên trái cửa sổ cả. Bạn chỉ cần click lên biểu tượng Folders nằm trên thanh công cụ chuẩn (*Standard Toolbar*) nếu bạn sử dụng Windows 2000, Me, XP, hoặc chọn *Menu View, Explorer Bar, Folders*.

### 2. Tùy biến ở dạng Details, phần 1:

Để thay đổi thứ tự của các cột Name, Size, Type, Date Modified, và những cột khác trong cửa sổ duyệt tập tin ở dạng Details, bạn chỉ cần đặt con trỏ chuột lên đầu mỗi cột và kéo qua trái hoặc phải tùy bạn.

### 3. (2K, ME, XP) Tùy biến ở dạng Details, phần 2:

Tại sao chúng ta lại để các cột được hiển thị theo mặc định của Windows? Nếu muốn thay đổi, bạn chỉ cần nhấp phải chuột lên vị trí bất kỳ ở đầu cột, và chọn một mục trong trình đơn chưa được đánh dấu để thêm cột chứa thông tin đó, ngược lại bạn sẽ gỡ bỏ đánh dấu để bỏ đi cột tương ứng. Chọn *More* trên trình đơn hiển thị khi nhấp chuột phải (có thể dùng *View, Choose Columns* hay *View, Choose Details* trên trình đơn chính) để tùy biến thông qua hộp thoại.

### 4. Hiển thị cửa sổ lớn hơn:

Bất kỳ khi nào bạn muốn xem nhiều thông tin hiển thị hơn về một folder hoặc trình duyệt Internet Explorer trên một màn hình, cách đơn giản là bạn nhấn phím *F11* để xem cửa sổ đó ở chế độ toàn màn hình. Nhấn *F11* nếu muốn xem lại ở chế độ bình thường. Nếu sử dụng Windows 2000, Me, hoặc XP, bạn có thể thêm một nút nhấn để chuyển đổi giữa 2 chế độ bằng cách nhấp phải chuột ở *Standard Toolbar* và chọn *Customize*. Nhấn *Full Screen* ở bên dưới Available Tollbar buttons, sau đó chọn *Add* rồi nhấn *Close*.

### 5. Ẩn cây thư mục tự động:

Ở chế độ toàn màn hình, bạn có thể làm cho cây thư mục (hoặc bất kỳ tùy chọn nào thông qua *View, Explorer Bar*) biến mất để bạn có được một vùng quan sát rộng hơn, và cho xuất hiện lại khi bạn rê chuột đến cạnh bên trái của màn hình. Nhấn lên nút pushpin (xem hình 1) ở đỉnh của khung bên trái cửa sổ để *Explorer Bar* không còn cố định vào cửa sổ nữa và di chuyển chuột về phía phải màn hình để ẩn nó.

### 6. Hiển thị các tập tin ẩn:

Bình thường, windows giấu nhiều tập tin hệ thống, điều này có thể làm cho việc chỉnh sửa trở nên khó khăn. Để thấy hết tất cả các tập tin, chọn *Tools, Folder Options, View* trong bất kỳ cửa sổ thư mục hay *Explorer* nào. Trong danh sách Advanced settings, chọn *Show hidden files and folders* (hoặc *Show all files* nếu trong Windows 98). Trong những phiên bản khác với Windows 98, bỏ dấu đánh dấu trước nhãn *Hide protected operating system files (Recommended)*. Nhấn *Yes* và sau đó là *OK*.

### 7. (2K, ME, XP) Mở rộng cửa sổ thư mục:

Nếu cửa sổ thư mục của bạn có một cửa sổ con ở bên trái dùng để liên kết với các tài nguyên hoặc các tác vụ khác mà bạn không bao giờ sử dụng. Muốn có tầm nhìn lớn hơn khi hiển thị các tập tin

và thư mục bạn chọn *Tools, Folder Options, Use Windows Classic Folders, OK*. Thực hiện xong các động tác này thì Explorer Bar và shortcut của các “common task” sẽ không hiển thị nữa.

## 8. (XP) Xem được nhiều Thumbnail hơn:

TTO - Bạn có thể điều chỉnh sao cho hiển thị nhiều biểu tượng hơn ở khung bên phải trong cửa sổ Explorer khi xem ở chế độ Thumbnails, bằng cách làm ẩn các tên xuất hiện bên dưới các biểu tượng đi. Nhấn lên một thư mục khác trong khung chứa cây thư mục để thay đổi chế độ hiển thị, sau đó giữ phím *Shift* khi chọn trở lại thư mục cũ, khi đó các tên xuất hiện bên dưới các biểu tượng sẽ không được hiển thị.

## 9. (XP) Đưa thư mục đến thanh tác vụ:

Nếu bạn thích khung tác vụ trong cửa sổ Explorer nhưng muốn hiển thị các tác vụ đó khi hiển thị với phù hợp với nội dung của thư mục. Nhấp chuột phải lên biểu tượng nằm bên góc trên bên trái của cửa sổ, chọn *Properties, Customize* và chọn những mô tả thích hợp nằm ở phía dưới nhãn *Use this folder type as template*.

## 10. Xem dung lượng ổ đĩa:

Bạn có thường tự hỏi làm thế nào để xem dung lượng ổ đĩa bạn đang dùng hoặc dọn dẹp nó? Rất đơn giản, bạn nhấp phải chuột lên biểu tượng của ổ đĩa muốn xem trong cửa sổ *Explorer* (dưới *My Computer*) và chọn *Properties*. Bạn sẽ thấy một Biểu đồ hình tròn hiển thị dung lượng sử dụng của ổ đĩa. Có một nút để hiển thị tiện ích *Disk Cleanup*, và một the *Tools* liệt kê ra các tiện ích bảo trì khác.

## 11. (XP) Đồn đĩa, phần 1:

Nếu ổ đĩa của bạn được định dạng theo NTFS, bạn có thể nén các tập tin và thư mục lại để tận dụng không gian đĩa. Chọn các tập tin hoặc thư mục mà bạn muốn nén, nhấp chuột phải lên chúng và chọn *Properties*. Trên thẻ *General*, chọn *Advance*. Đánh dấu lên mục *Check Compress contents to save disk space* và nhấn *OK*. Bạn có thể bị yêu cầu chỉ ra những tập tin và thư mục cần đưa vào.

## 12. (XP) Tự động mở CD theo nội dung:

Khi bạn chèn một đĩa CD vào ổ đĩa CD-ROM, Windows sẽ đưa ra một số hành động để bạn lựa chọn. Bạn có thể trả lời một lần cho mỗi loại nội dung (như âm nhạc), nhưng nếu bạn muốn tắt chức năng này, nhấp phải chuột lên ổ đĩa CD trong cửa sổ *Explorer* và chọn *Properties*, ở trong thẻ *AutoPlay*, chọn một nội dung từ danh sách các loại nội dung ở phía trên, và chọn hành động thích hợp theo ý bạn bên dưới. Để tắt chức năng này đối với loại nội dung nào bạn chỉ cần chỉ định cho nội dung cho nó bên dưới là *Take no action* và nhấn *OK*.

## 13. (XP) Đồn đĩa, phần 2:

Để nén toàn bộ một phân vùng NTFS trên đĩa cứng, nhấp phải chuột lên biểu tượng của ổ đĩa trong cửa sổ Explorer và chọn *Properties*. Đánh dấu chọn lên mục *Compress drive to save disk space*, sau đó nhấn *OK* hoặc *Apply*. Khi đó sẽ xuất hiện yêu cầu xác nhận, tại đó bạn chọn nén tất cả các thư mục con và tập tin (không chỉ trong thư mục gốc) và nhấn *OK*.

## 14. (ME, XP) Đồn đĩa, phần 3:

Bạn cũng có thể nén các tập tin một cách tự động bằng cách đưa chúng vào thư mục đã được nén. Để tạo thư mục này, đơn giản bằng cách nhấn phải chuột ở bất kỳ cửa sổ thư mục nào hay trên màn hình desktop, chọn *New, Compressed Folder* (trong *Windows Me*) hoặc *New, Compressed*

(zipped) Folder (trong Windows XP). Nếu bạn không thấy chức năng này, thì nên kiểm tra lại để chắc rằng nó đã được cài đặt.

### 15. (XP, 2K) Chọn tên cho ổ đĩa:

Nếu bạn muốn đặt lại tên của các ổ đĩa, hãy đăng nhập vào Windows với quyền quản trị (Administrator), chọn *Start, Run*, nhập lệnh *diskmgmt.msc* và nhấn *Enter*. Nhấp phải chuột lên một ổ đĩa phía dưới của cửa sổ và chọn *Change Drive Letter and Path*. Chọn *Edit* hoặc *Change*, lựa một trong những ký tự đặt tên chưa được sử dụng từ danh sách, nhấn *OK*, trả lời mọi nhắc nhở xác nhận, và nhấn *OK* lần nữa.

**Tin vào bạn bè, nhưng giữ lại các thẻ. Tin vào trí nhớ của mình, nhưng bạn phải luôn giữ bên mình đĩa thiết lập lại password cho trường hợp bạn quên Password của Windows XP. Đầu tiên, bạn phải có một đĩa mềm trống đã được định dạng, và nhập Control Panel\ User Accounts vào thanh Address của cửa sổ Explorer hoặc Internet Explorer.**

Nhấn *Enter*, lựa *Account* của bạn, nhấn *Prevent a forgotten password* trong danh sách *Related Tasks*, và sau đó thực hiện các bước được mô tả cụ thể trong *Forgotten Password Wizard*.

### 17. (XP) Xử lý khi quên password, phần 1:

Nếu bạn không có đĩa thiết lập lại password, đăng nhập vào hệ điều hành với một account quản trị khác, mở *User Accounts* trong *Control Panel* (mục 16), chọn account mà bạn quên password, chọn *Change the password*, và thực hiện các hướng dẫn sau đó để cài lại password.

### 18. (XP) Xử lý khi quên password, phần 2:

Nếu bạn không có bất kỳ account quản trị nào khác, khởi động lại máy nhấn phím F8 cho đến khi bạn thấy màn hình cho phép chọn chế độ để khởi động (mục 28). Bạn chọn khởi động ở chế độ *Safe mode*, và nhấn *Enter*. Khi thấy màn hình *Welcome* xuất hiện, chọn *Administrator* (đây là một account ẩn mặc định không cần password). Thực hiện các bước để đặt lại password, khởi động lại máy.

### 19. (2K, XP) Power User:

Khi bạn đăng nhập vào máy với quyền quản trị, hệ thống của bạn có thể bị tấn công bởi các chương trình Trojan horse hoặc những rủi ro khác. Khi bạn đăng nhập vào máy với quyền *Power User*, bạn có thể tránh được những rủi ro này và sử dụng được đầy đủ các tính năng của windows (bạn có thể chuyển qua quyền *Administrator* một cách dễ dàng khi cần thiết, xem phần dưới). Để giảm quyền, bạn chọn *Start, Run*, nhập lệnh *lusrmgr.msc* và nhấn *Enter*. Chọn *Groups* và nhấp đúp chuột lên *Administrators*. Nhưng bắt buộc bạn phải có một account được liệt kê ở danh sách *Members* mà bạn có thể dùng khi cần đầy đủ các quyền của người quản trị. Chọn account muốn giảm quyền, chọn *Remove*, và nhấn *OK*, Nhấp đúp chuột lên *Power Users*, nhấn *Add*, đánh tên *Account* của bạn, và nhấn *OK* lần thứ 2.

### 20. Làm người quản trị không thường xuyên:

Power user không cần phải đăng xuất và đăng nhập trở lại để quay lại với quyền quản trị nhằm chạy những chương trình chỉ thực thi được dưới quyền này. Để làm điều này, giữ phím *Shift* và nhấp phải chuột lên chương trình có thể thực thi (\*.exe) ở cửa sổ Explorer hoặc bất kỳ shortcut nào của nó. Chọn *Run as*, sau đó lựa *Run the program as the following user* (nếu trong Windows 2000) hoặc *The Following User (trong Windows XP)*, và nhập vào username, password (chọn domain nếu cần) của một account có quyền quản trị, rồi nhấn *OK*

### 21. (XP) Chọn hành động cho máy quay:

Lúc đầu khi kết nối một máy quay kỹ thuật số với máy tính của mình, bạn có thể chọn một thao tác và đánh dấu *Always user this program for this action* để tránh những lời gợi ý sẽ xuất hiện sau này khi kết nối. Nhưng nếu bạn muốn thay đổi thành một hành động khác? Để thực hiện điều này, kết nối lại với máy quay, nhấp phải chuột lên biểu tượng của nó trên cửa sổ *Explorer*, chọn *Properties*. Sử dụng các cài đặt hiển thị trong thẻ *Events* để chọn hành động hệ điều hành sẽ thực hiện khi kết nối với máy quay.



## 22. (XP Pro) Giữ các bí mật:

Để bảo vệ các tập tin và thư mục có thông tin nhạy cảm trong các ổ đĩa có định dạng *NTFS*, sử dụng những chương trình mã hoá của Windows. Chọn những tập tin và thư mục không nên để mã hoá, nhấp phải chuột lên chúng, và chọn *Properties*. Trên thẻ *General*, chọn *Advanced*. Đánh dấu vào *Encrypt contents to secure data* và nhấn *OK*. Chỉ ra các tập tin và thư mục được thực hiện. Các tập tin và thư mục này chỉ có thể được truy xuất bởi người dùng mã hoá chúng. Để gỡ bỏ tính năng này, bỏ đánh dấu lên *Encrypt contents to secure data*. (việc mã hoá này không có ở Windows XP Home).

## 23. Không hiển thị thông tin cá nhân với người dùng khác:

Bất kỳ người quản trị nào cũng đều thấy các tập tin trên màn hình desktop hoặc trong thư mục *My documents* của bạn, và ngay cả ở thư mục cá nhân của bạn bằng cách tìm trong thư mục *Document* và *Setting*. Mẹo này chỉ có tác dụng trên những ổ đĩa có định dạng *NTFS*. Đầu tiên mở thư mục *Documents* hoặc *Setting*, nhấp phải chuột lên thư mục mà bạn muốn giữ riêng, chọn *Properties*. Nhấn *Sharing*, đánh dấu lên nhãn *Make this folder private*, và chọn *OK*.



Hình 2

## 24. (ME, XP) Quay ngược thời gian:

TTO - Khi máy tính của bạn có những hành động khác lạ, bạn hãy sử dụng *System Restore* để quay lại trạng thái ổn định trước đó. Chọn *Start*, *Programs (All Programs nếu là Windows XP)*, *Accessories*, *System Tools*, *System Restore*, chọn *Restore my computer to an earlier time*, *Next*, và thực hiện theo những hướng dẫn.

## 25. (ME, XP) Đặt điểm phục hồi cho hệ thống:

Bất kỳ khi nào bạn muốn thay đổi hệ thống, bạn nên tạo một điểm phục hồi hệ thống trước khi bắt đầu để nếu có lỗi thì cũng có thể lấy lại tình trạng này. Mở *System Restore* như đã mô tả ở mục trước, chọn *Create a Restore Point*, nhấn *Next*, và thực hiện theo những hướng dẫn xuất hiện. Lưu ý: tạo điểm phục hồi bằng tay như trên thì không cần thiết trước khi bạn cài đặt phần mềm, cập nhật hoặc cài đặt thiết bị, Windows sẽ làm việc này một cách tự động dùm bạn.

## 26. (XP) Tùy biến chức năng phục hồi, phần 1:

Để chọn ổ đĩa cho *System Restore* theo dõi sự thay đổi của hệ thống và cài đặt dung lượng của đĩa được dùng cho việc sao lưu này. Bạn nhấp phải chuột lên *My Computer* và chọn *Properties*. Chọn thẻ *System Restore*, lựa ổ đĩa, nhấn *Settings* và đặc cấu hình theo ý muốn của bạn.

## 27. (ME) Tùy biến chức năng phục hồi, phần 2:

Điều chỉnh dung lượng đĩa System Restore sử dụng để sao lưu trong Windows Me thì khác hơn một chút. Nhấp phải chuột trên *My Computer*, chọn *Properties*, *Performance*, *File System*, và phía dưới *Hard disk*, bạn kéo thanh trượt *System Restore disk space user* để chọn dung lượng bạn

mong muốn. Lưu ý, nhấn *Disable System Restore* trong thẻ *Troboleshooting* của *System Properties* để tắt chức năng *System Restore* đi.

## 28. Tìm giải pháp trong Safe Mode:

Nếu Windows của bạn bị treo hay thực hiện một số hành động không đúng. Khởi động lại máy, và nhấn *F8* trước khi vào Windows (bạn có thể nhấn nhiều lần đến khi Windows nhận được yêu cầu này). Khi đó sẽ xuất hiện một trình đơn *Advance Options*. Sử dụng các phím di chuyển để chọn *Safe Mode*, rồi nhấn *Enter* để chạy Windows với một số lượng driver hạn chế. Nếu gặp may, bạn có thể bỏ đi hành động gây ra lỗi đó và khởi động lại máy.

## 29. (2K, XP) Phục hồi với Registry:

Nếu bạn khởi động Windows ở chế độ *Safe Mode* nhưng không giải quyết được các vấn đề gây ra sự cố ở Windows. Bạn cũng truy cập vào trình đơn *Advanced Option* như mục 28, nhưng chọn *Last Known Good Configuration* và nhấn *Enter*. Việc khởi động Windows như thế này sẽ sử dụng phiên bản sau cùng của Registry, đây là phiên bản Windows khởi động thành công. Sẽ không có tập tin nào bị *Remove*.

## 30. (2K, XP) Chép các thông báo lỗi:

Khi Windows cảnh báo với bạn là có vài vấn đề rắc rối, không điều khiển được. Nếu bạn muốn giữ lại các lời thông báo này để gửi tới bộ phận kỹ thuật, hoặc các nhân viên sửa chữa. Nhấn *Ctrl - C* để sao chép các thông báo này vào *Clipboard*, sau đó mở email gửi đến bộ phận kỹ thuật của bạn, nhấn *Ctrl - V* để dán nội dung thông báo này vào email, và gửi đi.

## 31. Chụp ảnh thông báo lỗi:

Nếu bạn không thể lấy được các thông báo lỗi như ở phần trên, nhấn *Alt - Print Screen* (tên của phím này có thể được viết tắt trên bàn phím của bạn) để ghi lại hình ảnh của hộp thoại thông báo lỗi. Đưa chúng vào email (nếu có hỗ trợ đồ họa) hoặc vào trong công cụ xử lý văn bản. Bạn có thể dán nó vào trong tiện ích xử lý ảnh *Paint* của Windows bằng cách mở chương trình này và chọn *Edit, Paste*. Lưu hình này dưới dạng tập tin ảnh gif hoặc bmp,... tùy bạn. Sau đó đính kèm tập tin này vào email rồi gửi đi.

## 32. Tìm giúp đỡ trong Google Groups:

Để tìm sự giúp đỡ trên mạng, bạn nhập vào vài từ hay tất cả từ trong thông báo lỗi của Windows vào trong ô nhập liệu của màn hình tìm kiếm chính của Google. Nếu chúng cũng không giúp đỡ được bạn sửa lỗi này, nhấn chọn thẻ *Groups* trên trang hiển thị kết quả tìm kiếm của Google bạn có thể tìm thấy các thảo luận có liên quan đến vấn đề của bạn

## 33. (XP) Cho Windows tự cài đặt mạng:

TTO - Bước đầu tiên bạn phải kết nối các máy lại thành một mạng, các bước trong Windows XP's *Network Setup Wizard* sẽ giúp bạn một cách chi tiết. Để chạy được wizard này bạn chọn *Start, Run*, đánh lệnh *netsetup* và nhấn *Enter*.

## 34. (XP) Thiết lập mạng không dây:

Khi bạn cắm một thiết bị mạng không dây vào máy tính, Windows XP sẽ hiển thị hộp thoại *Connect to Wireless Network*. Nếu nó không xuất hiện, bạn nhấp phải chuột lên biểu tượng *wireless - network* ở khay hệ thống, và chọn *View Available Wireless Networks*. Nếu bạn không thấy xuất hiện biểu tượng này ở khay hệ thống, bạn vào cửa sổ *Explorer* trên thanh *Address* nhập

vào Control Panel\ Network Connections, và nhấp phải chuột lên biểu tượng Wireless Network Connection. Chọn kết nối không dây và nhấp Connect.

### **35. (XP) Nối đến mạng không dây không an toàn:**

Nếu nút Connect bị vô hiệu hóa (có màu xám) ở hộp thoại Wireless Network Connection, lúc đó mạng có thể không có tính năng an toàn Wired Equivalent Privacy hoặc tính năng này mới hơn Wi-Fi Protected Access. Để bỏ qua chức năng này bạn đánh dấu vào Allow me to connect to the selected wireless network, even though it is not secure(xem hình 3). Nên nhớ rằng việc làm này của bạn có thể làm bạn gặp phải một số rủi ro.

### **36. (XP) Tự cấu hình mạng không dây:**

Thông thường Windows cấu hình mạng không dây cho bạn tự động (nó được gọi là Wireless Zero Configuration), nhưng nếu thiết bị không dây có driver riêng cho nó, bạn cần phải tắt tính năng này của Windows đi. Để làm điều này, nhấp đúp chuột lên biểu tượng Wireless Network Connection của cửa sổ Network Connection (mô tả ở mục 34), hoặc nhấp lên biểu tượng được thu nhỏ ở khay hệ thống, Chọn Properties, và trong hộp thoại Wireless Network Connection Properties, nhấp lên Wireless Networks. Bỏ đánh dấu ở Use Windows to configure my wireless network settings và nhấp OK(xem hình 4).

### **37. (XP) Chuyển nhanh giữa các tài khoản:**

Nếu máy của bạn có đủ vùng nhớ, bạn có thể chuyển qua lại giữa các tài khoản mà không cần phải log off ra khỏi account đang sử dụng. Để làm điều này bạn nhấp Start, Log off, Switch User. Điều này giúp tiết kiệm thời gian khi chỉ cần một số thao tác nhỏ có thể chuyển qua một tài khoản khác. Nhưng bạn đừng nên tạo ra thói quen này vì nó sẽ làm cho hệ thống của bạn chậm, đặc biệt khi bạn đang chạy những chương trình lớn chẳng hạn như Game, các tiện ích hệ thống, và ứng dụng khác.

### **38. (XP) Vô hiệu hóa chức năng chuyển nhanh giữa các tài khoản người dùng:**

Có một số nhược điểm khi thực hiện Fast User Switching. Với đặc điểm này bạn sẽ không thể sử dụng được chức năng Offline Files của Windows, chức năng này là chức năng tự động download các trang web để bạn xem ngoại tuyến. Để tắt chức năng Fast User Switching, bạn vào cửa sổ Explorer hoặc Internet Explorer và nhập vào Control panel \ Use Accounts ở thanh Address, sau đó nhấp Enter. Nhấp chọn Change the way users log on or off, bỏ đánh dấu ở mục User Fast User Switching và cuối cùng nhấp Apply Options.

### **39. (XP) Vô hiệu hóa tài khoản thay vì xóa chúng:**

Nếu một người đi xa không sử dụng tài khoản của họ, đừng nên xóa tài khoản đó đi vì lý do bảo mật. Sau này, khi tạo lại tài khoản với tên như vậy, nó sẽ không có đầy đủ quyền như trước nữa, cũng như nó không cho truy cập vào các tập tin mã hóa trước đó(xem mục 22). Nếu bạn cho là những người này có thể sử dụng lại những tài khoản đó, bạn có thể vô hiệu hóa các tài khoản này thay vì xóa nó đi (nên nhớ rằng chức năng này không sử dụng được cho Windows XP Home): nhấp Window-R, gõ lệnh lusrmgr.msc và nhấp Enter. Chọn vào biểu tượng của thư mục Users, và nhấp đúp chuột lên tên của người dùng tài khoản mà bạn muốn vô hiệu hóa. Đánh dấu lên Account is disabled và nhấp OK(Xem hình 5), để phục hồi tài khoản này đơn giản bạn chỉ cần bỏ đánh dấu đi.

### **40. (XP) Cứu tập tin từ một tài khoản bị xóa:**

Nếu bạn chắc chắn rằng sẽ không cần tài khoản đã đề cập ở trên nữa, bạn có thể xóa nó đi nhưng vẫn giữ lại các tập tin trong thư mục cá nhân. Đầu tiên, bạn đăng nhập vào Windows với quyền

quản trị, ở thanh Address của cửa sổ Explorer hoặc Internet Explorer nhập vào Control Panel\User Accounts và nhấn Enter. Tiếp theo chọn tên tài khoản muốn xoá, chọn Delete the account, nhấn Keep Files, và cuối cùng chọn Delete Account. Mặc dù tài khoản đã bị xoá đi nhưng tất cả các tập tin ở màn hình desktop, và thư mục My Documents sẽ được đặt trong một thư mục mới trên desktop của tài khoản người quản trị, nhưng hãy nhớ rằng tất cả các email hoặc các cài đặt khác ứng với tài khoản trên sẽ bị mất đi vĩnh viễn.

#### **41. (XP) Run your ancient apps (XP):**

Nếu có một ứng dụng thuộc phiên bản trước không chạy được trên Windows XP (và bạn không có một bản cập nhật nào của phần mềm này), nhấp phải chuột lên biểu tượng shortcut của chương trình này và chọn Properties. Chọn Compatibility, Run this program in compatibility mode for, và chọn phiên bản Windows thích hợp (xem hình 6), nhấn OK. Cảnh báo an toàn: đừng bao giờ chạy một chương trình diệt virus, một chương trình dọn đĩa, hoặc bất kỳ ứng dụng tiện ích nào dưới một phiên bản của Windows mà không dành cho nó. Việc này có thể làm hỏng hệ thống.

#### **42. Sửa các uninstaller bị hỏng:**

Nếu bạn muốn gỡ bỏ một chương trình nào đó bằng cách sử dụng Add or Remove Programs trong Control Panel, nhưng chương trình uninstaller không chạy, nguyên nhân là do một số hoặc tất cả các tập tin của nó đã bị xoá. Đơn giản bạn chỉ cần cài đặt lại chương trình đó vào đúng thư mục cũ và sử dụng Add or Remove Programs lại để gỡ nó ra.

#### **43. Cập nhật driver cho card đồ họa:**

Có nhiều trục trặc phổ biến trong Windows được tìm ra nguyên nhân là do những lỗi của các driver của card đồ họa gây ra, có thể các driver này bị hỏng, hoặc lỗi thời. Nếu bạn không tìm ra cách giải quyết các vấn đề này, bạn nên vào trang web của hãng sản xuất ra card đồ họa mà bạn đang sử dụng để download về driver thích hợp cho card đồ họa của bạn.

#### **44. (2K, ME, XP) Tháo thiết bị an toàn:**

Bạn có thể cắm vào và tháo ra các thiết bị ngoại vi (như cameras) mà không xảy ra vấn đề gì. Tuy nhiên có vài thiết bị khi bạn thực hiện thao tác cắm và tháo, nó sẽ gây ra những rủi ro lớn đến máy vi tính làm ảnh hưởng đến tính ổn định của PC. Chẳng hạn như bạn tháo một card mạng ra từ một máy notebook, hoặc một ổ cứng gắn cắm ngoài, việc này sẽ làm mất dữ liệu, nếu các dữ liệu này vẫn còn đang được truy xuất. Để giải quyết các vấn đề này, bạn cần nhấp phải chuột lên biểu tượng Safely Remove Hardware trên khay hệ thống (đầu tiên có thể bạn cần nhấn vào biểu tượng mũi tên Show hidden icons). Từ trình đơn xuất hiện bạn chọn thiết bị phần cứng cần được tháo ra, lúc này bạn có thể tháo thiết bị ra. Nếu bạn không muốn hiển thị popup-menu bạn có thể nhấp đúp chuột lên biểu tượng Safely Remove Hardware lúc này sẽ xuất hiện một hộp thoại để bạn thao tác. (Còn nữa)

**Sử dụng Files and Settings Transfer Wizard là cách tốt nhất để chuyển tất cả các cài đặt trên Windows của bạn từ máy tính này đến máy tính khác. Bạn có thể chuyển tất cả các file và cài đặt của Internet Explorer, Outlook Express và các phần khác trong Windows thông qua mạng hoặc dùng đĩa tháo lắp.**

Trước tiên cài tất cả các ứng dụng của bạn trên máy mới, sau đó chọn Start, All Programs, Accessories, System Tools, Files and Settings Transfer Wizard

#### **46.(XP) Đừng quên khi có số lượng thư lớn:**

Nếu bạn chọn Setting only khi chạy Files and Settings Transfer Wizard và sử dụng đĩa mềm để di chuyển các cài đặt. Windows chỉ chuyển các thư trong Outlook Express khi số lượng thư có thể

chứa hết trong đĩa. Hãy sử dụng các đĩa có dung lượng lớn hơn sao cho nó có thể chứa tất cả các thư điện tử hiện có trên máy của bạn.

#### **47.(All) Sử dụng tất cả các tính năng mà hệ điều hành cung cấp cho bạn:**

Không phải tất cả các công cụ hay tiện ích nào của Windows mà bạn cần đều được cài đặt trên máy tính. Mở bất kỳ cửa sổ thư mục hoặc Explorer, sau đó nhập vào thanh Address nội dung Control Panel\ Add/Remove Programs (nếu bạn dùng Windows 98, 2000 hoặc Me) hay Control Panel\ Add or Remove Programs nếu dùng Windows XP. Nhấn vào nút Windows Setup hoặc Add/Remove Windows Components, chọn một thành phần, và nhấn nút Details (nếu có). Bạn có thể nhấn vào nút Details thêm lần nữa để thấy thêm một số thành phần con. Chọn các thành phần mà bạn muốn cài đặt. Có thể bạn sẽ được yêu cầu chèn đĩa Windows CD vào trong khay đĩa để cài đặt các thành phần được chọn.

#### **48.(2K, ME, XP) Tăng tốc độ cho các ổ đĩa của bạn:**

Để tạo shortcut thực hiện chức năng làm sạch ổ đĩa của bạn theo cách mà bạn muốn, chọn Start, Run và đánh vào câu lệnh cleanmgr/sageset:, sau đó nhập vào một số từ 0 đến 65535, rồi nhấn Enter (số nhập vào biểu diễn cho chức năng mà bạn muốn chọn. Chọn các cài đặt mà bạn muốn rồi nhấn OK. Để tạo một shortcut thực hiện chức năng Disk Cleanup, nhấn chuột phải trên Desktop hoặc trong một thư mục và chọn New, Shortcut. Trong ô nhập liệu, đánh vào lệnh cleanmgr /sagerun:x (thay x bằng số mà bạn nhập vào ở trên), sau đó thực hiện các hướng dẫn để hoàn thành việc tạo shortcut.

#### **49.(2K, ME, XP) Cập nhật tự động:**

Để tự động thực hiện tiện ích Windows Update trong Windows XP. Nhấn chuột phải vào My Computer, chọn Properties, và nhấn chọn thẻ Automatic Updates. Trong Windows 2000 và XP, chọn Keep my computer up to date. Trong các phiên bản còn lại, chọn một trong tùy chọn được đưa ra (xem hình 8).

#### **50. (ME, XP) Bỏ các cập nhật tự động:**

Windows tạo ra một điểm phục hồi trước khi nó thực hiện việc cập nhật. Xem lại mục 24 để thấy các hướng dẫn bắt đầu System Restore. Trên màn hình Select a Restore Point, chọn ngày cập nhật, chọn điểm phục hồi trước khi có cập nhật này, chọn Next, và thực hiện theo chỉ dẫn.

#### **51.(98, 2K) Thêm tiện ích cập nhật:**

Phiên bản Windows 98 và 2000 trước Service Pack 3 cần tiện ích Windows Critical Update Notification để kiểm tra các phần đã được cập nhật tự động. Nhấn đúp chuột lên biểu tượng Scheduled Tasks trong khay hệ thống hoặc trong Control Panel. Nếu tiện ích chưa có ở đó, vào trang [windowsupdate.microsoft.com](http://windowsupdate.microsoft.com), chọn Pick updates to install, sau đó chọn Critical Updates and Service Packs. Tìm và chọn tiện ích này.

#### **52. (All) Cập nhật bằng tay:**

Để làm mới Windows theo cách cũ, bạn sẽ tự tìm các miếng vá có sẵn để cập nhật: chọn Start, Windows Update or Start, All Programs, Windows Update và thực hiện các hướng dẫn tại trang Windows Update.

#### **53. Bật tính năng ghi CD:**



Với một đĩa trắng được chèn vào trong ổ đĩa ghi CD, nhấn Windows-E để mở cửa sổ Explorer, nhấp chuột phải trên biểu tượng của ổ đĩa, chọn Properties, Recording, và chắc chắn rằng Enable CD recording on this drive đã được chọn (xem hình 9)

Chú ý rằng các thẻ và tùy chọn trong hộp thoại CD Drive Properties là đặc trưng của ổ đĩa, những cái khác thì thay đổi tùy theo ổ đĩa.

#### **54. (XP) Dừng của nhà cung cấp thứ 3:**

Nếu bạn sử dụng chức năng ghi CD bằng phần mềm khác như Roxio Easy CD & DVD Creator (<http://www.roxio.com/>), thực hiện các bước giống như mục 53, nhưng không chọn Enable CD recording on this drive (hoặc tùy chọn tương đương trên ổ đĩa của bạn). Bằng cách này, chức năng ghi CD của Windows sẽ không đung với tiện ích ghi CD mà bạn đang dùng.

#### **55. (XP) Thay đổi nơi lưu trữ ảnh của CD:**

Windows có dành một không gian trên đĩa cứng để lưu trữ những nội dung sẽ được ghi lên đĩa CD, thường khoảng 650MB đến 700MB, nhưng khoảng 1GB trên các ổ đĩa còn khả năng lưu trữ lớn. Bạn có thể chỉ định cho Windows chọn ổ đĩa có không gian trống lớn để lưu trữ: mở hộp thoại CD Drive Properties như trình bày trong phần 53 và chọn thẻ Recording (hoặc tùy chọn tương đương tùy theo ổ đĩa của bạn). Chọn một trong các ổ đĩa hiển thị trong danh sách bên dưới Desktop CD recording.

#### **56. Giảm tốc độ ghi:**

Mặc định Windows thường ghi với tốc độ nhanh nhất theo ổ đĩa CD-R. Nếu bạn có một số trục trặc, giảm tốc độ xuống: mở hộp thoại CD Drive Properties và chọn thẻ Recording và lựa tốc độ thấp hơn trong danh sách liệt kê các tốc độ có thể ghi được nằm dưới Select a write speed.

#### **57. (XP) Ghi các tập tin lên CD:**

Bạn có thể chọn các tập tin muốn ghi lên đĩa CD trong Windows Explorer, và kéo chúng vào trong biểu tượng ổ đĩa hoặc chỉ nhấp chuột phải lên các tập tin được chọn, và nhấn Send To, chọn để gửi đến ổ đĩa CD. Windows sẽ sao chép tất cả các tập tin này đến một vùng được chỉ định chứ không ghi chúng trực tiếp lên đĩa CD. Có thể nhấp đúp chuột lên biểu tượng của ổ đĩa để xem nội dung của tập tin. Trong khung tác vụ bên trái, chọn Write these files to CD khi bạn sẵn sàng ghi và thực hiện các bước theo hướng dẫn trong CD Writing Wizard.

#### **58. Tạo các CD nhạc với Windows Media Player:**

Nếu bạn sử dụng Windows Media Player 9 để tạo một playlist tùy biến. Bạn có thể sao chép các tập tin nhạc đó lên đĩa CD. Với Windows Player, mở trong chế độ toàn màn hình, chọn Copy to CD or Device ở bên trái. Chọn playlist từ danh sách Music to Copy. Nếu bạn thấy Will not fit trong cột trạng thái của playlist, bỏ chọn một số tập tin. Cuối cùng chọn Copy Music trên góc trên bên phải của chương trình.

#### **59. Tạo CD nhạc với một phần mềm khác:**

Windows Media Player 9 được cung cấp miễn phí, cho phép sao chép các tập tin vào trong ổ đĩa CD, nhưng tiện ích của các nhà cung cấp thứ 3 cho bạn nhiều tùy chọn hơn, bao gồm cả khả năng sao chép các CD âm nhạc mà không làm mất đi chất lượng âm thanh, điều này xảy ra trong Windows Media Player do tính năng chuyển đổi dạng format của nó.

#### **60. Ký tự đặc biệt:**

Nếu trong một tài liệu của bạn cần một số ký tự đặc biệt không phổ biến, chọn Start, Programs (All Programs nếu trong Windows XP), Accessories, System Tools, Character Map, hoặc chỉ cần nhấn phím Windows-R, nhập vào charmap, và sau đó nhấn Enter (nếu như trong máy tính của bạn chưa cài đặt character map, xem mục 47 cách hướng dẫn cách cài đặt). Chọn font cần dùng, sau đó nhấp đúp chuột lên ký tự bạn muốn chèn vào trong tài liệu, rồi nhấn nút Copy để dán các ký tự đó vào trong tài liệu. Trong Windows 2000 và XP bạn có thể kéo thả các ký tự trong ô nhập liệu Characters to copy (hình bên dưới) của chương trình character map vào trong WordPad hoặc các ứng dụng khác.

### **61. Bật các điều khiển trong Player:**

TTO - Nếu bạn mở một đĩa CD hay DVD bằng Windows Media Player nhưng các nút điều khiển của nó bị vô hiệu hóa, bạn phải hiển thị thanh thực đơn của player (bạn có thể phải nhấn vào nút ở góc trên bên trái nếu đang ở chế độ toàn màn hình). Chọn Play, DVD, VCD or CD Audio (tùy hiển thị có thể khác).

### **62. Phóng to thu nhỏ màn hình khi xem DVD:**

Nếu bạn dùng Windows Media Player 9 để mở DVD, sử dụng biểu tượng full-screen ở góc dưới bên phải của chương trình để phóng to thu nhỏ, hay nhấn Alt-Enter để chuyển qua lại giữa chế độ toàn màn hình hay bình thường. Di chuyển con trỏ chuột ra phía xa của góc màn hình (sau đó giữ chuột đứng yên) để làm ẩn đi hộp điều khiển và hiển thị hình ảnh trên toàn bộ màn hình. Để hiển thị lại hộp điều khiển di chuyển chuột vào trong vùng hiển thị của màn hình.

### **63. Điều khiển tốc độ DVD:**

Khi mở DVD bằng Windows Media Player 9, nhấn chuột hay kéo thanh trượt để di chuyển tới hay lui trở lại. Nhấn Ctrl-Shift-F để xem nhanh các hình ảnh, Ctrl-Shift-G để tăng tốc độ xem, Ctrl-Shift-S để xem chậm lại. Ctrl-Shift-N để chạy lại với tốc độ bình thường.

### **64. Điều khiển DVD bằng bàn phím:**

Một số phím điều khiển được dùng khi xem DVD là Ctrl-P để tạm dừng hoặc chạy lại, F10 dùng để tăng và F9 dùng để giảm âm lượng, F8 để tắt tiếng.

### **65. (XP) Giảm cảm giác khó chịu khi chạy ứng dụng, phần 1:**

TTO - Nếu các ứng dụng trong máy tính của bạn mở quá chậm, bạn có thể cải thiện bằng cách tắt một số hiệu ứng hình ảnh của Windows. Nhấn chuột phải trên My Computer, và chọn Properties. Lựa thẻ Advanced, và dưới Performance, nhấn nút Settings. Bên dưới thẻ Visual Effect, chọn Adjust for best performance hoặc Custom, sau đó tắt tất cả các hiệu ứng không cần thiết.

### **66. (98, 2K, ME) Giảm cảm giác khó chịu khi chạy ứng dụng, phần 2:**

Để thực hiện vấn đề này trong Windows 98, 2000 hoặc Me, nhấp chuột phải trên desktop và chọn Properties. Nhấn chọn thẻ Effects, bỏ đánh dấu các mục trong Visual Effect cho đến khi bạn thấy tốc độ của nó tốt hơn. Trong Windows 98, tắt Animate windows, menus and lists, và trong cả 3 phiên bản bạn có thể bỏ chọn Show window contents while dragging.

### **67. (XP) Thiết lập các quyền ưu tiên:**

Hộp thoại Performance Options trong Windows XP cho phép bạn điều khiển giới hạn việc sử dụng bộ nhớ của Windows và quyền ưu tiên của các nhiệm vụ cho bộ xử lý trong máy tính. Để kiểm tra các cài đặt, mở hộp thoại Performance Options được trình bày trong phần 65, chọn Advanced. Dưới Processor Scheduling, giữ nguyên Programs được chọn để cho các ứng dụng

thông thường của bạn chạy với quyền ưu tiên cao hơn so với các ứng dụng chạy nền bên dưới. Tuy nhiên, nếu bạn thường làm việc với một ứng dụng trong khi các ứng dụng khác thì đang sắp xếp trên cơ sở dữ liệu, in các hình đồ họa lớn, hay thực hiện một nhiệm vụ khác cần dùng nhiều bộ xử lý ngầm bên dưới, thì bạn nên lựa Background services để thời gian chia sẻ bộ xử lý cho tất cả các tác vụ đều bằng nhau thay vì ưu tiên cho các ứng dụng thông thường. Bạn nên sử dụng cài đặt mặc định Programs của Memory usage. Chọn System cache chỉ khi bạn muốn sử dụng máy tính như một máy chủ thay vì máy trạm.

## **68. Kiểm tra tính tương thích với hibernate:**

Nếu bạn muốn Windows khởi động trong vài giây tất cả các ứng dụng và tài liệu được mở giống như trước khi bạn tắt máy, thử dùng chế độ hibernate. Trong thanh Address của cửa sổ Explorer hay Internet Explorer, nhập Control Panel\Power Options. Nếu trong hộp thoại Power Options Properties không có thẻ Hibernate, thì máy bạn không có chế độ này. Ngược lại nếu có chức năng này, chọn nó và kiểm tra xem máy tính của bạn có đáp ứng các yêu cầu về không gian đĩa cho chế độ Hibernate hay không.

## **69. Cài đặt chế độ Hibernate, phần 1:**

Nếu hệ thống của bạn có hỗ trợ chế độ hibernate, bật nó bằng cách chọn thẻ Hibernate của hộp thoại Power Options Properties (xem trong phần 68) và chọn Enable hibernation.

## **70. Cài đặt chế độ Hibernate, phần 2:**

Ngay khi chế độ hibernate được bật, chọn Start, Shut Down hoặc Start, Turn Off Your Computer để tắt máy. Nếu bạn chọn Shut Down, lựa Hibernate và nhấn OK. Còn nếu chọn Turn Off Your Computer, thì bạn nhấn giữ phím Shift để chọn biểu tượng Standby cho chế độ hibernate, sau đó nhấn chuột chọn nó.

## **71. Đường biên lớn:**

Làm cho đường biên của các cửa sổ dễ dàng để chọn hơn. Bạn có từng phải cố gắng để chọn vị trí đặt chuột trên đường biên cửa sổ để làm thay đổi kích thước của cửa sổ chưa? Nó thật đáng sợ, để thay đổi kích thước cửa sổ dễ dàng hơn, đầu tiên nhấn chuột phải trên desktop, chọn Properties, sau đó nhấn trên thẻ Appearance (chọn thẻ Advanced cho Windows XP). Từ danh sách Item, chọn Active Window Border, và tăng kích thước của đường biên bằng cách tăng giá trị trong ô Size

## **Làm cho Windows trông mới hơn**

## **72. Xây dựng một thanh tác vụ lớn hơn:**

TTO - Nếu bạn có quá nhiều biểu tượng trong thanh tác vụ và khay hệ thống, nhấp chuột phải trên thanh tác vụ và đảm bảo rằng Lock the Taskbar không được đánh dấu. Bây giờ bạn có thể kéo đỉnh của thanh tác vụ lên cho kích thước của nó tăng gấp đôi. Di chuyển nó đến một cạnh của màn hình và thay đổi kích thước cho nó để tiết kiệm không gian.

## **73. Ẩn thanh tác vụ:**

Nếu bạn thích dành nhiều không gian hơn cho các cửa sổ hiển thị, nhấp chuột phải trên thanh tác vụ và chọn Properties. Chọn Auto Hide hoặc Auto-hide the taskbar, nhấn OK. Thanh tác vụ sẽ được ẩn đi, nhưng nó sẽ hiển thị trở lại tại chỗ đó khi bạn di chuyển con trỏ chuột đến cạnh của màn hình ngay vị trí của nó.

## **74. Bỏ các biểu tượng trình đơn lớn:**

Ở chế độ mặc định Windows sử dụng các biểu tượng lớn trong Start menu, nhưng các biểu tượng nhỏ được sử dụng trong các trình đơn con của nó. Để loại bỏ các biểu tượng ảnh có kích thước quá lớn, nhấp chuột phải trên nút Start (trong XP) hoặc trên thanh tác vụ (trong tất cả các phiên bản của Windows), sau đó chọn Properties. Trong XP, nhấn nút Customize thích hợp để chọn Small icons (nếu bạn dùng Start menu trong XP) hoặc Show Small Icons in Start menu trong danh sách Advanced Start menu options (nếu bạn dùng Start menu kiểu cũ). Trong các phiên bản khác của Windows chọn Show small icons in Start menu trong mục xuất hiện đầu tiên.

### **75. (98) Dọn dẹp màn hình desktop, phần 1:**

Bạn có mệt mỏi với tình trạng lộn xộn của các biểu tượng trên màn hình desktop? Để ẩn chúng trong Windows 98, nhấp chuột phải trên màn hình desktop, chọn Properties. Nhấn chọn thẻ Effects và đánh dấu chọn lên Hide icons when the desktop is viewed as a Web page. Nhấn OK. Bây giờ bất cứ khi nào bạn muốn thấy màn hình desktop gọn hơn, tất cả các công việc bạn phải làm là chỉ cần nhấp chuột phải lên desktop và chọn Active Desktop, View As Web Page để đưa các biểu tượng của bạn vào trong chế độ ẩn.

### **76. (2K, ME, XP) Dọn dẹp màn hình desktop, phần 2:**

Các biểu tượng trên desktop có thể chiếm nhiều không gian trong các phiên bản khác của Windows. Để ẩn chúng trong 2000 và Me, nhấp chuột phải trên màn hình desktop, chọn Active Desktop, và chắc chắn rằng mục Show Web Content được đánh dấu. Nhấp chuột phải lên desktop lần nữa (nếu cần) và chọn Active Desktop, Show Desktop Icons để mang các biểu tượng của bạn trở lại màn hình. Để ẩn chúng trong Windows XP, nhấp chuột phải trên desktop và chọn Arrange Icons By, Show Desktop Icons (để bỏ đánh dấu nó). Sau đó lặp lại các bước này nếu muốn hiển thị chúng trở lại màn hình.

*(sưu tầm từ [quantrimang.com](http://quantrimang.com))*

Theo TTO